

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST

Ngày 31-3-2021

*V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Tuấn

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Mùi

Ông Nguyễn Văn Thực

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLST- DS ngày 02/10/2020 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-DS ngày 26/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-DS ngày 15/3/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Văn T** – sinh năm 1955

Địa chỉ: Khu 08, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C** – sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu 06, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị **Lê Thị Hồng T1** – sinh năm 1982

+ Anh **Lê Đức A** – sinh năm 1987

Đều trú tại: Khu 8, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

+ Chị **Lê Thị Hồng H** – sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu 6, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

*(Ông T có mặt, chị T1, anh A, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào năm 2017 vợ chồng ông có mở cửa hàng kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm. Anh Nguyễn Văn C là người cùng xã, có chăn nuôi lợn nên có lấy cám của gia đình nhà ông. Hai bên có thỏa thuận miệng với nhau là khi nào anh C bán lợn thì sẽ thanh toán tiền cám cho ông. Tuy nhiên, do dịch bệnh, chăn nuôi thua lỗ nên anh C chưa trả cho ông hết số tiền cám. Ngày 8/8/2017 anh C có viết cho ông giấy nhận nợ số tiền là 105.545.000đ (Một trăm linh năm triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Hẹn đến ngày 30/12/2017 sẽ thanh toán đủ cho ông số tiền trên. Nếu còn số tiền nào quá hạn thì anh C sẽ chịu lãi suất theo ngân hàng. Sau đó, anh C đã trả cho ông được một phần tiền và trả bằng gà, lợn quy ra tiền. Cụ thể: Ngày 16/8/2017 trả số tiền là 4.000.000đ. Ngày 29/9/2017 trả số tiền 8.000.000đ. Ngày 15/2/2018, trả số tiền 5.000.000đ. Ngày 02/02/2019 trả 72kg gà (giá 50kg/1kg) = 3.600.000đ. Ngày 01/3/2019 trả 33kg gà đông cỏ (giá 90 nghìn 1kg) = 2.790.000đ. Ngày 23/6/2019 trả 22,5kg gà thành tiền là 1.000.000đ. Ngày 5/5/2020 trả 35kg (giá 70.000đ/1 kg) = 2.450.000đ. Ngày 10/5/2020 trả 21kg gà (có giá 70.000đ/1kg) = 1.470.000đ. Ngày 3/8/2020 trả 28,5kg gà (giá 50.000đ/1kg) = 1.425.000đ và trả 4 con lợn con thành tiền là 6.000.000đ. Tổng số tiền anh C đã trả cho ông là 35.920.000đ. Số tiền cám anh C còn ông là: 69.625.000đ. Đến nay, ông yêu cầu anh C phải trả số tiền cám còn nợ là 69.625.000đ và yêu cầu phải trả lãi của số tiền trên từ ngày 30/12/2017 cho đến nay theo lãi suất ngân hàng.

Vợ của ông là bà Phạm Thị T2 đã chết năm 2018. Các con ông là chị Lê Thị Hồng T1, chị Lê Thị Hồng H và anh Lê Đức A không có đóng góp gì vào việc mở cửa hàng thức ăn chăn nuôi của ông. Do vậy, số tiền anh C nợ là của một mình ông.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết trong Giấy nhận nợ mà ông T giao nộp cho Tòa án. Tại bản kết luận giám định số: 286/KLGD-PC09 ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Văn C trong giấy nhận nợ mà ông T giao nộp là của anh Nguyễn Văn C.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Chị Lê Thị Hồng H trình bày: Số tiền anh C còn nợ là tài sản của bố mẹ chị là ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị T2. Mẹ chị đã chết, chị đã đi lấy chồng

nên số tiền này thuộc quyền sử dụng của bố chị. Chị không có quyền lợi gì đối với số tiền này.

+ Chị Lê Thị Hồng T1 trình bày: Số tiền anh C còn nợ là tài sản của bố mẹ chị là ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị T2. Mẹ chị đã chết, chị đã đi lấy chồng nên số tiền này thuộc quyền sử dụng của bố chị. Chị không có quyền lợi gì đối với số tiền này.

+ Anh Lê Đức A trình bày: Số tiền anh C còn nợ là tài sản của bố mẹ chị là ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị T2. Mẹ anh đã chết nên số tiền này thuộc quyền sử dụng của bố anh. Anh không có quyền lợi gì đối với số tiền này.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, xác định:*

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ, chưa thực hiện việc niêm yết công khai đầy đủ văn bản tố tụng phần thủ tục bắt đầu phiên tòa kiểm sát viên đã có quan điểm đề nghị hoãn phiên tòa để khắc phục để có căn cứ giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vì vậy Viện kiểm sát không phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Nguyên đơn là ông Lê Văn T cư trú tại khu 8, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ khởi kiện yêu cầu kiện đòi tiền mua cám còn nợ với bị đơn là anh Nguyễn Văn C cư trú ở khu 6, xã S nên đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về chấp hành pháp luật: Anh C được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 16/3/2021. Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh C tiếp tục vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, Tòa án căn cứ khoản 1 điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về hợp đồng mua bán: Theo giấy nhận nợ ngày 8/8/2017 anh C có viết cho ông T giấy nhận nợ số tiền là 105.545.000đ (Một trăm linh năm triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Đây là số tiền mua cám cò anh C còn nợ lại của ông T. Hẹn đến ngày 30/12/2017 anh C sẽ thanh toán đủ cho ông T số tiền trên. Nếu còn số tiền nào quá hạn thì anh C sẽ chịu lãi suất theo ngân hàng. Sau đó, anh C có trả cho ông T được một phần tiền và trả bằng gà, lợn quy ra tiền. Cụ thể: Ngày 16/8/2017 trả số tiền là 4.000.000đ. Ngày 29/9/2017 trả số

tiền 8.000.000đ. Ngày 15/2/2018, trả số tiền 5.000.000đ. Ngày 02/02/2019 trả 72kg gà (giá 50kg/1kg) = 3.600.000đ. Ngày 01/3/2019 trả 33kg gà đông cỏ (giá 90 nghìn 1kg) = 2.790.000đ. Ngày 23/6/2019 trả 22,5kg gà thành tiền là 1.000.000đ. Ngày 5/5/2020 trả 35kg (giá 70.000đ/1 kg) = 2.450.000đ. Ngày 10/5/2020 trả 21kg gà (có giá 70.000đ/1kg) = 1.470.000đ. Ngày 3/8/2020 trả 28,5kg gà (giá 50.000đ/1kg) = 1.425.000đ và trả 4 con lợn con thành tiền là 6.000.000đ. Tổng số tiền anh C đã trả cho ông T là 35.920.000đ. Số tiền cám anh C còn nợ ông T là: 69.625.000đ (Sáu mươi chín triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Theo yêu cầu của ông T, Tòa án Quyết định trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của anh Nguyễn Văn C trong giấy nhận nợ đề ngày 08/8/2017 mà ông T giao nộp cho Tòa án so với chữ ký và chữ viết người khai trong bản tự khai ngày 15/02/2017 tại Tòa án nhân dân huyện Đ; chữ ký và chữ viết dưới mục các đương sự tham gia phiên họp trong biên bản hòa giải ngày 12/6/2017; chữ ký và chữ viết dưới mục các đương sự tham gia hòa giải trong biên bản hòa giải thành ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ; chữ ký và chữ viết người nhận trong biên bản giao ngày 20/6/2017 của Tòa án. Tại bản kết luận giám định số: 286/KLGD-PC09 ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận: Chữ ký “C”, chữ viết “Nguyễn Văn C” trong Giấy nhận nợ mà ông T giao nộp cho Tòa án so với ký “C”, chữ viết “Nguyễn Văn C với mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Ngày 8/8/2017 anh Nguyễn Văn C có nợ tiền cám của ông Lê Văn T số tiền 105.545.000đ (Một trăm linh năm triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Ông T xác nhận anh C và bố mẹ anh C đã trả cho ông được một phần tiền nợ và trả bằng hiện vật là gà, lợn quy đổi ra tiền. Tổng số tiền anh C đã trả cho ông T là 35.920.000đ (Ba mươi lăm triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng). Số tiền cám anh C còn nợ ông T là: 69.625.000đ. Ông T yêu cầu anh C phải trả lãi từ ngày 30/12/2017 cho đến nay theo lãi suất ngân hàng.

Trong giấy nhận nợ anh C thỏa thuận nếu còn lại số tiền nào quá hạn anh sẽ chịu theo lãi suất ngân hàng.

Xác minh tại Ngân hàng NN Việt Nam – chi nhánh Đ thì áp dụng mức lãi suất thỏa thuận phục vụ đời sống trung dài hạn tối thiểu là 9%/năm, 0.75%/tháng. Do vậy, ông T yêu cầu anh C trả lãi của khoản tiền 69.625.000 đồng từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho ông T là 30/12/2017 cho đến nay là:  $69.625.000đ \times 39 \text{ tháng} \times 0,75\%/tháng = 20.365.000đ$  (Hai mươi triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Như vậy đây là Hợp đồng mua bán tài sản. Tổng số tiền ông T yêu cầu anh C phải trả là 89.990.000đ (Tám mươi chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Bà Phạm Thị T2 là vợ của ông T đã chết năm 2018. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các con của ông T, bà T2 là: chị Lê Thị Hồng H, chị Lê Thị Hồng T1, anh Lê Đức A đều xác nhận số tiền anh C nợ của bố mẹ anh chị là tài sản của bố mẹ anh chị là ông T, bà T2. Bà T2 đã chết. Các anh, chị đều không có yêu cầu, đòi hỏi quyền lợi gì đối với số tiền trên. Do vậy, xác định số tiền cầm anh C còn nợ là của một mình ông T, không liên quan đến các con của ông.

[2.4] Về nghĩa vụ trả nợ : Theo kết luận giám định số 286/KLGD-PC09 ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận: Chữ ký “C”, chữ viết “Nguyễn Văn C” trong Giấy nhận nợ mà ông T giao nộp cho Tòa án so với ký “C”, chữ viết “Nguyễn Văn C với mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra. Do vậy cần buộc anh C phải trả cho ông T số tiền cầm còn nợ là 69.625.000đ và 20.365.000đ tiền lãi của khoản tiền 69.625.000đ. Tổng cộng anh C phải trả cho ông T số tiền là : 89.990.000đ (Tám mươi chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

[2.4] Về án phí dân sự thẩm, chi phí giám định: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và phải hoàn trả cho ông T số tiền chi phí giám định là 3.000.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, các điều 160, 161, 162; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 274, khoản 1 Điều 275, các điều 357, 430, 440, 453, 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Buộc anh Nguyễn Văn C phải trả cho ông Lê Văn T số tiền cầm còn nợ là cả gốc và lãi là 89.990.000đ (Tám mươi chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 69.625.000đ, tiền lãi 20.365.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải nộp số tiền là: 4.499.500đ (Bốn triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Về chi phí giám định: Buộc anh Nguyễn Văn C phải hoàn trả cho ông Lê Văn T số tiền chi phí giám định là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục Thi hành án DS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Anh Tuấn**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Anh Tuấn**